

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2022/DS – ST**

Ngày: 09– 9– 2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST – DS ngày 26/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST – DS ngày 24/8/2022:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1969 (có mặt)

*Địa chỉ:* Tổ 4, khu phố P, phường PH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1959 (vắng mặt)

*Địa chỉ:* Thôn C, xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

*Địa chỉ:* Thôn 1, xã L, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ngày 26/06/2019, bà Trần Thị L bán chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter biển số 72C1 – 58161 cho ông Đặng Văn H với giá 20.000.000 đồng. Bà L đã giao chiếc xe và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 057205 cho ông H. Do là chỗ quen biết nên bà L cho ông H nợ tiền mua xe. Nguồn gốc chiếc xe mô tô do ông Nguyễn Văn L1 mua, sử dụng sau đó cho bà L. Tại thời điểm bà L bán,

chiếc xe vẫn đứng tên ông L1. Vì vậy, bà L đã nhờ ông L1 ký tên tại mục bên bán tại giấy bán xe mô tô lập cùng ngày 26/6/2019.

Trước đó, vào tháng 02/2019 ông H nhận lắp ráp máy lạnh cho bà L. Tiền mua máy và công lắp ráp tổng cộng là 9.000.000 đồng. Bà L đã giao 9.000.000 đồng cho ông H nhưng ông H không thực hiện việc lắp máy lạnh cho bà L như thoả thuận.

Ngày 19/11/2019, hai bên lập giấy thoả thuận xác nhận việc mua bán chiếc xe và mua bán máy lạnh với nhau. Ông H cam kết trả số tiền 29.000.000 đồng cho bà L nhưng không thực hiện.

Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giải quyết buộc ông Đặng Văn H thanh toán cho bà L số tiền 29.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu ông H phải trả lãi suất.

*Bị đơn ông Đặng Văn H:* Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông H là người ký nhận trực tiếp các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nhưng không đến Tòa làm việc, vắng mặt không có lý do, không tới Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án. Theo xác nhận của Công an xã TH, thị xã PM, ông Đặng Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện ông H đang sinh sống tại địa chỉ trên.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Ông Nguyễn Văn L1 có quen biết với bà Trần Thị L. Năm 2014 ông L1 mua chiếc xe hiệu Yamaha loại Jupiter biển số 72C1 - 581.61 để sử dụng, sau đó ông cho bà L chiếc xe này. Đến năm 2019 bà L có nhu cầu bán xe trên cho ông Đặng Văn Hn nên đã nhờ ông L1 ký tên tại giấy bán xe mô tô ngày 26/6/2019. Việc thoả thuận giao tiền, nhận xe do bà L và ông H tự thoả thuận, ông L1 không tham gia, không liên quan. Ông L1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H thanh toán số tiền 29.000.000 đồng, không tính lãi suất. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền 29.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn H thanh toán số tiền 29.000.000 đồng phát sinh từ việc các bên mua bán chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter biển kiểm soát 72C1 – 581.61 (say đây gọi tắt là chiếc xe Jupiter) và mua bán, lắp ráp máy lạnh. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn C, xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Đặng Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông L1 theo luật định.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Đối với tài sản là chiếc xe Jupiter:*

Ngày 26/6/2019, ông Nguyễn Văn L1 và ông Đặng Văn H lập giấy bán xe mô tô, nội dung ông L1 bán cho ông H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen, số máy 1PB3 053597, số khung B30EY 053572, biển số 72C1 – 581.61 với giá 20.000.000 đồng. Hai bên xác nhận bên bán đã giao xe và các giấy tờ liên quan, bên mua chưa thanh toán tiền mua xe. Căn cứ lời khai của bà L, ông L1 xác định ông L1 đã tặng cho (bằng lời nói, không lập thành văn bản) chiếc xe mô tô trên cho bà L, bà L không còn nhu cầu sử dụng nên bán lại cho ông H. Do bà L chưa hoàn thiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe nên nhờ ông L1 ký tên tại giấy bán xe mô tô ngày 26/9/2019.

Xét việc tặng cho chiếc xe Jupiter giữa ông L1 – bà L và việc ông L1 thay mặt bà L lập “giấy bán xe mô tô” 26/6/2019 cho ông H chưa đảm bảo về hình thức hợp đồng tặng cho, Hợp đồng mua bán đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT – BCA ngày 04/4/2014 quy định về đăng ký xe của Bộ Công an (thời điểm các bên tiến hành tặng cho, bán xe). Tuy nhiên, về nội dung tặng cho, mua bán đảm bảo quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật nên Hợp đồng mua bán xe giữa ông L1 và ông H có hiệu lực pháp luật. Ông L1 thừa nhận đã tặng cho bà L chiếc xe Jupiter, việc ông L1 ký tên trong giấy bán xe mô tô để hợp thức hoá việc bán xe giúp bà L, ông L không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tại “*giấy thoả thuận về việc thanh toán tiền xe – tiền máy lạnh*” lập ngày 19/11/2019 ông H xác nhận lại việc mua chiếc xe Jupiter của bà L, đồng ý sẽ thanh toán số tiền mua xe 20.000.000 đồng trong thời hạn từ ngày 10/01/2020 đến ngày 10/6/2020 nhưng không thực hiện theo thoả thuận. Căn cứ quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà L 20.000.000 đồng tiền mua chiếc xe Jupiter.

*[3.2] Đối với số tiền 9.000.000 đồng tiền máy lạnh:*

Xét nội dung “giấy thoả thuận về việc thanh toán tiền xe – tiền máy lạnh” lập ngày 19/11/2019 ông H xác nhận tháng 02/2019 nhận lắp ráp cho bà L 01 chiếc máy lạnh, tổng giá trị hàng hoá và công lắp ráp là 9.000.000 đồng. Ông H đã nhận tiền nhưng không thực hiện công việc theo thoả thuận, ông H hẹn trả lại số tiền này cho bà L vào ngày 19/11/2019 nhưng không trả. Căn cứ quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà L 9.000.000 đồng tiền mua máy lạnh.

Tổng số tiền ông H phải thanh toán cho bà L là 20.000.000 đồng + 9.000.000 đồng = 29.000.000 đồng.

*[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” với ông Đặng Văn H.

Buộc ông Đặng Văn H thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Đặng Văn H phải nộp số tiền 1.450.000đ (Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị L không phải nộp tiền án phí và được hoàn trả lại số tiền 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005736 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:** Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án (Riêng đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Trần Thị Nhung**